

Quỹ ETF IPAAM VN100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

Số/No: 2022727 /TB-FUEIP100

Hà Nội 27/07/2022

/As at 27-Jul-22

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ Securities code : FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date :

28/07/2022

7. Đơn vị tính/Unit : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
1	TCB	1,200	5.10%
2	VPB	1,600	5.14%
3	VIC	700	5.40%
4	HPG	1,700	4.19%
5	VHM	700	4.76%
6	ACB	1,500	4.21%
7	MSN	300	3.82%
8	VNM	500	4.19%
9	MBB	1,100	3.18%
10	FPT	500	4.94%
11	STB	1,000	2.67%
12	NVL	300	2.57%
13	VCB	300	2.61%
14	MWG	400	2.88%
15	SSB	700	2.58%
16	HDB	800	2.22%
17	EIB	500	1.74%
18	TPB	500	1.56%
19	MSB	700	1.47%
20	VIB	500	1.49%
21	SSI	600	1.42%

22	VRE	500	1.53%
23	SAB	100	1.95%
24	LPB	600	1.06%
25	DGC	200	2.23%
26	CTG	400	1.25%
27	VND	500	1.06%
28	VJC	100	1.45%
29	OCB	300	0.61%
30	GAS	100	1.21%
31	KBC	300	1.26%
32	GEX	300	0.77%
33	DXG	300	0.83%
34	PNJ	100	1.30%
35	KDH	200	0.87%
36	PDR	100	0.61%
37	REE	100	0.90%
38	HSG	100	0.19%
39	VHC	100	0.94%
40	DIG	100	0.42%
41	HDG	100	0.57%
42	VPI	100	0.73%
43	VCI	100	0.45%
44	PLX	100	0.48%
45	BVH	100	0.66%
46	KDC	100	0.76%
47	POW	200	0.30%
48	NLG	100	0.44%
49	BID	100	0.41%
50	GMD	100	0.58%
51	ITA	100	0.08%
52	DPM	100	0.54%
53	VCG	100	0.26%
54	TCH	100	0.13%
55	SAM	100	0.14%
56	HCM	100	0.30%
57	SCR	100	0.14%
58	PAN	100	0.26%
59	PCI	100	0.43%
60	HPX	100	0.30%
61	GVR	100	0.27%
62	PVD	100	0.19%
63	CII	100	0.23%
64	HBC	100	0.24%

2703
CÔNG
TNH
T THÀ
LÝ Q
HÙNG
I.P
TRÚN

65	SBT	100	0.21%
66	DBC	100	0.31%
67	DGW	200	1.40%
68	DXS	100	0.19%
69	NKG	100	0.20%
70	PVT	100	0.22%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND)	861,984,000
Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND)	867,542,321
Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND)	5,558,321

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	24,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	35,550	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC/ BVSC: Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-
3	FPT	85,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	50,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	24,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	62,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	112,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	77,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	36,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	26,950	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	27,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	18,200	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading



Dại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) (Signature, full name and seal - if any)



Tổng giám đốc
Nguyễn Hồ Nga

